

Số: 71/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2026

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt.**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt.

## Chương I

# SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 22/2025/TT-BTC NGÀY 09 THÁNG 5 NĂM 2025 BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

### **Điều 1. Bổ sung điểm d vào khoản 2 Điều 1 như sau:**

“d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Việc theo dõi tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.”.

### **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:**

#### 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính.”.

#### 2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 3 Điều này và tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 4 Điều này sau đây gọi là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.”.

### **Điều 3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:**

“b) Có nguyên giá từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.”.

### **Điều 4. Bổ sung khoản 9 Điều 5 như sau:**

“9. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử dụng vào mục đích quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này.”.

### **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:**

#### 1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 12/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Nguyên} \\
 \text{giá tài} \\
 \text{sản kết} \\
 \text{cấu hạ} \\
 \text{tầng} \\
 \text{đường} \\
 \text{thủy nội} \\
 \text{địa hình} \\
 \text{thành từ} \\
 \text{mua sắm}
 \end{array}
 =
 \left( \begin{array}{l}
 \text{Giá} \\
 \text{trị} \\
 \text{ghi} \\
 \text{trên} \\
 \text{hóa} \\
 \text{đơn}
 \end{array} \right)
 -
 \left( \begin{array}{l}
 \text{Các khoản} \\
 \text{chiết khấu} \\
 \text{thương} \\
 \text{mại hoặc} \\
 \text{giảm giá} \\
 \text{hoặc phạt} \\
 \text{người bán} \\
 \text{(nếu có)}
 \end{array} \right)
 +
 \left( \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{vận} \\
 \text{chuyên,} \\
 \text{bốc dỡ,} \\
 \text{chi phí lắp} \\
 \text{đặt, chạy} \\
 \text{thử}
 \end{array} \right)
 -
 \left( \begin{array}{l}
 \text{Các} \\
 \text{khoản} \\
 \text{thu hồi} \\
 \text{về sản} \\
 \text{phẩm,} \\
 \text{phế liệu} \\
 \text{do chạy} \\
 \text{thử}
 \end{array} \right)
 +
 \left( \begin{array}{l}
 \text{Các khoản thuế} \\
 \text{(không bao gồm} \\
 \text{các khoản thuế} \\
 \text{được khấu trừ,} \\
 \text{hoàn lại); các} \\
 \text{khoản phí, lệ phí} \\
 \text{theo quy định của} \\
 \text{pháp luật về phí và} \\
 \text{lệ phí}
 \end{array} \right)
 +
 \left( \begin{array}{l}
 \text{Chi} \\
 \text{phí} \\
 \text{khác} \\
 \text{(nếu} \\
 \text{có)}
 \end{array} \right)$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà cơ quan, đơn vị đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí trong lựa chọn nhà thầu được bù đắp từ nguồn kinh phí không phải từ khoản thu từ hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phát sinh chi phí chung...).".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời xác định lại mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán theo quy định.”.

3. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển, quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 12/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Nguyên giá tài sản} \\
 \text{kết cấu hạ tầng} \\
 \text{đường thủy nội địa} \\
 \text{được giao, nhận} \\
 \text{điều chuyển,} \\
 \text{chuyển giao}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Nguyên giá} \\
 \text{ghi trên} \\
 \text{Biên bản} \\
 \text{bản giao,} \\
 \text{tiếp nhận tài} \\
 \text{sản}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí vận} \\
 \text{chuyên, bốc} \\
 \text{dỡ, chi phí} \\
 \text{lắp đặt,} \\
 \text{chạy thử}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Các khoản} \\
 \text{thu hồi về} \\
 \text{sản phẩm,} \\
 \text{phế liệu} \\
 \text{do chạy} \\
 \text{thử}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Các khoản} \\
 \text{phí, lệ phí} \\
 \text{theo quy} \\
 \text{định của} \\
 \text{pháp luật về} \\
 \text{phí và lệ phí}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi} \\
 \text{phí} \\
 \text{khác} \\
 \text{(nếu} \\
 \text{có)}
 \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản như sau:

Đối với trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, chuyển giao (là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đang giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

- Đối với trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao do các đối tượng không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên} \\ \text{Biên bản bàn giao, tiếp} \\ \text{nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá trị đầu tư} \\ \text{xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương} \\ \text{đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá trị đầu tư xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương

đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá xây} \\ \text{dựng} \\ \text{mới của} \\ \text{tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có} \\ \text{tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ} \\ \text{quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc} \\ \text{theo quy định cụ thể của địa phương nơi} \\ \text{có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài} \\ \text{sản vào sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích, thể} \\ \text{tích xây} \\ \text{dựng/ Số} \\ \text{lượng/tiêu chí} \\ \text{khác (nếu có)} \\ \text{của tài sản} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với công} \\ \text{trình/hạng mục công trình (như: trần,} \\ \text{sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo} \\ \text{quy định của Bộ quản lý chuyên ngành} \\ \text{(hoặc theo quy định cụ thể của địa} \\ \text{phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa} \\ \text{tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi trên sổ kế toán nhưng không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc cơ quan được giao lập phương án xử lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị của tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản để xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản kết cấu hạ} \\ \text{tầng đường} \\ \text{thủy nội địa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị đánh} \\ \text{giá lại của tài} \\ \text{sản} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của của tài sản theo} \\ \text{quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này} \\ \text{(năm)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản} \\ \text{(năm)} \end{array}} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \\ \text{thẩm} \\ \text{định} \\ \text{giá} \end{array}$$

Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được tính vào nguyên giá của tài sản.”

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao, được điều chuyển, được chuyển giao mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP mà giá

trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, thời gian tính hao mòn còn lại, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.”.

#### 4. Bổ sung khoản 7:

“7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

#### **Điều 6. Bổ sung khoản 6 Điều 8 như sau:**

“6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

#### **Điều 7. Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:**

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản.”.

#### **Điều 8. Bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau**

“6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có tích hợp các thành phần công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và khoa học công nghệ: Trường hợp các bộ phận cấu thành có tuổi thọ kỹ thuật khác nhau hoặc chịu tác động của thay đổi công nghệ dẫn đến thời gian sử dụng thực tế không phù hợp với quy định chung tại Thông tư này, cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý)/cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn cụ thể cho từng loại tài sản hoặc hệ thống tài sản. Việc quyết định phải dựa trên hồ sơ kỹ thuật của nhà sản xuất và đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát ngân sách nhà nước”.

#### **Điều 9. Bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau**

“2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tính hao mòn tài sản từ năm tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng để ghi sổ kế toán; mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan, đơn vị quản lý

tài sản được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (năm cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{mòn của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng năm của tài} \\ \text{sản xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left[ \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh} \\ \text{giá lại (năm)} \end{array} \right]$$

Trường hợp năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản thì cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, chuyển giao hoặc cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao phải tính bổ sung số hao mòn của thời gian tính từ năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản đến năm bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Mức hao mòn của 01 năm xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.”.

**Điều 10. Bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:**

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có nguyên giá từ 10 triệu đến dưới 30 triệu đồng đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư số 22/2025/TT-BTC thì từ năm tài chính 2026 thực hiện điều chỉnh loại khỏi danh mục tài sản cố định và mở sổ theo dõi riêng theo quy định của pháp luật về kế toán, không thực hiện theo quy định tại Thông tư này.”.

**Điều 11. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ**

1. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan, đơn vị quản lý tài sản” tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 11.

2. Thay các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A và số 02B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BTC thành các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A và số 02B quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương II**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 72/2025/TT-BTC NGÀY 02 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI**

**Điều 12. Bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 5 như sau**

“9. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử

dụng vào mục đích quy định tại Điều 65 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thì cơ quan quản lý tài sản (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp xử lý một phần của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì giá trị (nguyên giá, giá trị còn lại) của phần tài sản xử lý được xác định trên cơ sở phân bổ giá trị của toàn bộ tài sản cho phần tài sản theo các tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích tiêu chí khác (nếu có)) để trình, quyết định và tổ chức xử lý.

10. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Việc theo dõi tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.”.

### **Điều 13. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 6 như sau**

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài} \\ \text{sản kết} \\ \text{cấu hạ} \\ \text{tầng hàng} \\ \text{hải hình} \\ \text{thành từ} \\ \text{mua sắm} \end{array} = \left( \begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị} \\ \text{ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại} \\ \text{hoặc giảm} \\ \text{giá hoặc} \\ \text{phạt người} \\ \text{bán (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí} \\ \text{lắp đặt, chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{thu hồi} \\ \text{về sản} \\ \text{phẩm,} \\ \text{phế liệu} \\ \text{do chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{(không bao gồm các} \\ \text{khoản thuế được} \\ \text{khấu trừ, hoàn lại);} \\ \text{các khoản phí, lệ} \\ \text{phí theo quy định} \\ \text{của pháp luật về phí} \\ \text{và lệ phí (nếu có)} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right)$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà cơ quan đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí trong lựa chọn nhà thầu được bù đắp từ nguồn kinh phí không phải từ khoản thu từ hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến

ng nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra thì cơ quan quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời xác định lại mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển (toàn bộ/một phần của từng tài sản), quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, nhận điều chuyển (toàn bộ/một phần), chuyển giao	=	Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	+	Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí lắp đặt, chạy thử	-	Các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử	+	Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	+	Chi phí khác (nếu có)
---	---	--	---	---	---	---	---	--	---	-----------------------

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển (toàn bộ/một phần), chuyển giao.

a2) Đối với tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển (toàn bộ/một phần), chuyển giao tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản như sau:

Đối với trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao (là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

Đối với trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao do các đối tượng không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế

toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a3 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên} \\ \text{Biên bản bàn giao, tiếp} \\ \text{nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá trị đầu tư} \\ \text{xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương} \\ \text{đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{xây} \\ \text{dựng} \\ \text{mới} \\ \text{của tài} \\ \text{sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có} \\ \text{tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do} \\ \text{Bộ quản lý chuyên ngành ban hành} \\ \text{(hoặc theo quy định cụ thể của địa} \\ \text{phương nơi có tài sản) áp dụng tại} \\ \text{thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích,} \\ \text{thể tích xây} \\ \text{dựng/ Số} \\ \text{lượng/tiêu} \\ \text{chí khác} \\ \text{(nếu có) của} \\ \text{tài sản} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với} \\ \text{công trình/hạng mục công trình (như:} \\ \text{trần, sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác} \\ \text{định theo quy định của Bộ quản lý} \\ \text{chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ} \\ \text{thể của địa phương nơi có tài sản) tại} \\ \text{thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a3 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a4 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a6) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại của tài sản, thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại của tài sản để xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng hải} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị đánh} \\ \text{giá lại của} \\ \text{tài sản} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của của tài sản theo quy} \\ \text{định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này (năm)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản} \\ \text{(năm)} \end{array}} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \\ \text{thâm} \\ \text{định giá} \end{array}$$

Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được tính vào nguyên giá của tài sản.”.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có giao cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.”.

#### 4. Bổ sung khoản 7:

“7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

#### **Điều 14. Bổ sung khoản 6 Điều 8 như sau**

“6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

#### **Điều 15. Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau**

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận tài sản.”.

#### **Điều 16. Bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau**

“6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có tích hợp các thành phần công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và khoa học công nghệ: Trường hợp các bộ phận cấu

thành có tuổi thọ kỹ thuật khác nhau hoặc chịu tác động của thay đổi công nghệ dẫn đến thời gian sử dụng thực tế không phù hợp với quy định chung tại Thông tư này, cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý)/cơ quan quản lý hàng hải cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn cụ thể cho từng loại tài sản hoặc hệ thống tài sản. Việc quyết định phải dựa trên hồ sơ kỹ thuật của nhà sản xuất và đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát ngân sách nhà nước.”.

### **Điều 17. Bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau**

“2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao có trách nhiệm tính hao mòn tài sản từ năm tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng để ghi sổ kế toán; mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản (năm cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{mòn của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng năm của tài} \\ \text{sản xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left( \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh} \\ \text{giá lại (năm)} \end{array} \right)$$

Trường hợp năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản điều chuyển, chuyển giao hoặc cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận tài sản phải tính bổ sung số hao mòn của thời gian tính từ năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản đến năm bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Mức hao mòn của 01 năm xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.”.

### **Điều 18. Thay thế Phụ lục II.**

Thay các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 72/2025/TT-BTC thành các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

### Chương III

## SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 75/2025/TT-BTC NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

#### Điều 19. Bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 6 như sau:

“9. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử dụng vào mục đích quy định tại Điều 41, Điều 52 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thì doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp xử lý một phần của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì giá trị (nguyên giá, giá trị còn lại) của phần tài sản xử lý được xác định trên cơ sở phân bổ giá trị của toàn bộ tài sản cho phần tài sản theo các tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích tiêu chí khác (nếu có)) để trình, quyết định và tổ chức xử lý.

10. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này. Việc theo dõi tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.”.

#### Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7 như sau

##### 1. Sửa đổi khoản 1:

“1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 15/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài} \\ \text{sản kết} \\ \text{cấu hạ} \\ \text{tầng} \\ \text{đường} \\ \text{sắt hình} \\ \text{thành từ} \\ \text{mua sắm} \end{array} = \left( \begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị} \\ \text{ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương} \\ \text{mại hoặc} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hoặc phạt} \\ \text{người bán} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{đỡ, chi phí} \\ \text{lắp đặt, chạy} \\ \text{thử} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{thu hồi} \\ \text{về sản} \\ \text{phẩm,} \\ \text{phế liệu} \\ \text{do chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{(không bao gồm} \\ \text{các khoản thuế} \\ \text{được khấu trừ,} \\ \text{hoàn lại); các} \\ \text{khoản phí, lệ phí} \\ \text{theo quy định của} \\ \text{pháp luật về phí} \\ \text{và lệ phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí trong lựa chọn nhà thầu được bù đắp từ nguồn kinh phí không phải từ khoản thu từ hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị ghi trên hóa đơn của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phát sinh chi phí chung...).

## 2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2:

“d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tài sản trên sổ kế toán theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời xác định lại mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán theo quy định.”

## 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3:

“3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển (toàn bộ/một phần của từng tài sản), quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 15/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{cccccc} \text{Nguyên giá tài sản} & & \text{Nguyên giá} & & \text{Các khoản} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi} \\ \text{kết cấu hạ tầng} & & \text{ghi trên} & & \text{thu hồi về} & & \text{phí, lệ phí} & & \text{phí} \\ \text{đường sắt được} & & \text{Biên bản} & & \text{sản phẩm,} & & \text{theo quy} & & \text{khác} \\ \text{giao, nhận điều} & = & \text{bàn giao,} & + & \text{phê liệu} & + & \text{định của} & + & \text{(nếu} \\ \text{chuyển (toàn} & & \text{tiếp nhận} & & \text{do chạy} & & \text{pháp luật về} & & \text{có)} \\ \text{bộ/một phần),} & & \text{tài sản} & & \text{thứ} & & \text{phí và lệ phí} & & \\ \text{chuyển giao} & & & & & & & & \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của đối tượng có tài sản giao, điều chuyển (toàn bộ/một phần), chuyển giao.

a2) Đối với tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển (toàn bộ/một phần), chuyển giao tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản như sau:

Đối với trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, chuyển giao (là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

Đối với trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng và thời điểm đưa vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a3 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\text{Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản} = \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá trị đầu tư xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá trị đầu tư xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá xây dựng mới của tài sản} = \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \times \text{Diện tích, thể tích xây dựng/ số lượng/tiêu chí khác (nếu có) của tài sản} + \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng}$$

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định

tại điểm a3 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo quy định tại điểm a4 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a6) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này mà có tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương đang được ghi sổ kế toán thì sử dụng nguyên giá của tài sản cùng loại hoặc tương đương đó để làm nguyên giá; trường hợp không có tài sản tương đương đang được ghi sổ kế toán thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại của tài sản, thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại của tài sản để xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản kết cấu hạ} \\ \text{tầng đường sắt} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị đánh} \\ \text{giá lại của} \\ \text{tài sản} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của của tài sản theo quy} \\ \text{định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này (năm)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản} \\ \text{(năm)} \end{array}} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \\ \text{thẩm} \\ \text{định giá} \end{array}$$

Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được tính vào nguyên giá của tài sản.”

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giao, được điều chuyển, được chuyển giao mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận tài sản đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo quy định tại Chương II Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phối hợp với đối tượng đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, thời gian tính hao mòn còn lại, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 16 Thông tư này.”

#### 4. Bổ sung khoản 7:

“7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”

**Điều 21. Bổ sung khoản 6 Điều 9 như sau:**

“6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

**Điều 22. Bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau:**

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà doanh nghiệp được giao quản lý tài sản tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại doanh nghiệp tiếp nhận tài sản.”.

**Điều 23. Bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau**

“6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có tích hợp các thành phần công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và khoa học công nghệ: Trường hợp các bộ phận cấu thành có tuổi thọ kỹ thuật khác nhau hoặc chịu tác động của thay đổi công nghệ dẫn đến thời gian sử dụng thực tế không phù hợp với quy định chung tại Thông tư này, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia)/cơ quan quản lý đường sắt đô thị (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn cụ thể cho từng loại tài sản hoặc hệ thống tài sản. Việc quyết định phải dựa trên hồ sơ kỹ thuật của nhà sản xuất và đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát ngân sách nhà nước.”.

**Điều 24. Bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau**

“2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tính hao mòn tài sản từ năm tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng để ghi sổ kế toán; mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (năm doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức hao mòn của năm đầu tiên ghi sổ kế toán} = \text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này} \times \left( \text{Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này (năm)} - \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo quy định hoặc thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại (năm)} \right)$$

Trường hợp năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan,

người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản thì cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, chuyển giao hoặc doanh nghiệp tiếp nhận tài sản chuyển giao phải tính bổ sung số hao mòn của thời gian tính từ năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản đến năm bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Mức hao mòn của 01 năm xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.”.

### **Điều 25. Thay thế Phụ lục II**

Thay các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A và số 02B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-BTC thành các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A và số 02B quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

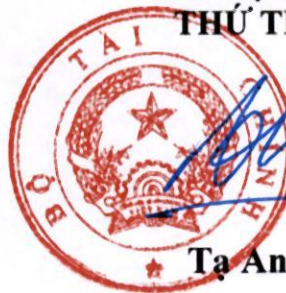
#### **Điều 26. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.
3. Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải theo quy định tại Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS (70 b).<sup>th</sup>

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Tạ Anh Tuấn**

## Phụ lục I

### CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Kèm theo Thông tư số 71/2026/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin.
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
Mẫu số 01D	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
Mẫu số 02A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
Mẫu số 02B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

**BÁO CÁO**  
**Kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

**A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên đối tượng báo cáo:.....

Mã đối tượng báo cáo:

Địa chỉ: Thôn/Xóm.....Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố  
.....

Loại hình:

**B. Thông tin về người lập biểu:**

Họ và tên:

Điện thoại liên hệ:

Email:

**C. Thông tin về tài sản**

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Thông số cơ bản	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m2)	Giá trị (đồng)			Chế độ hao mòn	Tình trạng tài sản		Ghi chú
						Nguyên giá	Hao mòn (lũy kế)	GTCL		Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>											

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ  
BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01A:**

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại các khoản 3, 4 và 4a Điều 2 Thông tư này.
- Cột (2) Danh mục tài sản: Ghi tên tài sản theo phân loại tại Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư này.
- Cột (4) Thông số cơ bản: Ghi các thông số cơ bản của tài sản theo yêu cầu quản lý.
- Cột (5) Năm đưa vào sử dụng: Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi N/A.
- Cột (6) Diện tích đất kê khai tại cột số 6 là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất theo hồ sơ cắm mốc phạm vi bảo vệ công trình/hạng mục công trình hoặc hồ sơ hoàn thành công trình/hạng mục công trình hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Cột (7) Nguyên giá: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP và các Điều 6, 7 và 8 Thông tư này.
- Cột (8) Hao mòn (lũy kế): Theo quy định tại các khoản 3 Điều 11 Thông tư này.
- Cột (9) GTCL là giá trị còn lại: Theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.
- Cột (10) Chế độ hao mòn/ khấu hao: Ghi thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn/khấu hao áp dụng đối với tài sản.
- Cột (11), Cột (12):
  - Ghi 1 ở cột (11) nếu tài sản còn sử dụng được và ghi 0 vào cột (12)
  - Ghi 0 ở cột (11) nếu tài sản không còn sử dụng được và ghi 1 vào cột (12).

**BÁO CÁO**  
**Kê khai bổ sung thông tin**

**A. Thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản**

Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: .....

Mã đối tượng báo cáo:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố.....

**B. Thông tin thay đổi**

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>I. Về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản</b>						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
<b>II. Về tài sản</b>						
1	Tên tài sản (địa chỉ)					
2	Đơn vị tính					
3	Thông số cơ bản (Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...)					
4	Năm đưa vào sử dụng					
5	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )					
6	Nguyên giá (đồng)					
7	Giá trị còn lại (đồng)					
8	Tình trạng tài sản					
9	Thông tin khác					
<b>III. Về việc khai thác tài sản</b>						
1	Phương thức khai thác					
2	Thông tin khác					
	...					

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**  
**BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO**  
**Kê khai bổ sung thông tin**

**A. Thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản**

Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: .....

Mã đối tượng báo cáo:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố.....

**B. Thông tin thay đổi**

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>I. Về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản</b>						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
<b>II. Về tài sản</b>						
1	Tên tài sản (địa chỉ)					
2	Đơn vị tính					
3	Thông số cơ bản (Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...)					
4	Năm đưa vào sử dụng					
5	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )					
6	Nguyên giá (đồng)					
7	Giá trị còn lại (đồng)					
8	Tình trạng tài sản					
9	Thông tin khác					
<b>III. Về việc khai thác tài sản</b>						
1	Phương thức khai thác					
2	Thông tin khác					
	...					

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**  
**BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO****Kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa****A. Thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản**

Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: .....

Mã đối tượng báo cáo:.....

**B. Thông tin về tài sản**

ĐVT: đồng

STT	Danh mục tài sản	Hình thức xử lý tài sản	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Đơn vị tiếp nhận tài sản (nếu có)	Tổng số tiền thu được	Chi phí xử lý	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8 = (6-7)	9
	<b>Tổng cộng</b>							

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**Hướng dẫn lập Mẫu số 01C:**

- Cột (3) Hình thức, phương thức xử lý: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.
- Cột (4) Quyết định xử lý: Theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22 và 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.
- Cột (6), (7), (8): Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

**BÁO CÁO**

**Tình hình khai thác tài sản kêu cầu hạ tầng đường thủy nội địa**  
(Theo từng phương thức khai thác tài sản)

**A. Thông tin về cơ quan/đơn vị báo cáo**

Tên cơ quan/đơn vị: .....

Mã cơ quan/đơn vị:.....

**B. Thông tin về tình hình khai thác tài sản**

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý, sử dụng số tiền thu được (đồng)			Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức, doanh nghiệp nhận khai thác	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	Tổng số tiền đã thu	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>											

....., ngày ... tháng ... năm .....  
**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**  
**CẤP TRÊN (nếu có)**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01D:**

- Cột (3) Phương thức khai thác: Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.
- Cột (4), (5), (6), (7) Hợp đồng khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.
- Cột (8), (9) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt: Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  
Kỳ báo cáo .....

STT	Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/Khối lượng/ Chiều dài...)	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Giá trị tài sản (đồng)		Hình thức xử lý tài sản						Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sân sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Thanh lý	Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Khác	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	<b>Tổng cộng</b>																

....., ngày ... tháng ... năm .....  
**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN  
QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

Kỳ báo cáo .....

ST T	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản	Diện tích đất (m2)	Giá trị tài sản (đồng)		Phương thức khai thác tài sản			Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản (đồng)			Ghi chú
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thực tiếp tổ chức khai thác	Cho thuê quyền khai thác tài sản	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15
	<b>Tổng cộng</b>												

....., ngày ... tháng ... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN  
 QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục II**

**CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI**

*(Kèm theo Thông tư số 71/2026/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2026*

*của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin.
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 01D	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 02A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 02B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

**BÁO CÁO**  
**Kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**

**A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên cơ quan:.....

Mã đơn vị:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố .....

Loại hình:

**B. Thông tin về người lập biểu:**

Họ và tên:

Điện thoại liên hệ:

Email:

**C. Thông tin về tài sản**

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Thông số cơ bản	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Giá trị (đồng)			Chế độ hao mòn	Tình trạng tài sản		Ghi chú
						Nguyên giá	Hao mòn (lũy kế)	GTCL		Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>											

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01A:**

- Đối tượng báo cáo: cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 72/2025/TT-BTC
- Cột (2) Danh mục tài sản: Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 72/2025/TT-BTC.
- Cột (4) Thông số cơ bản: Ghi các thông số cơ bản của tài sản theo yêu cầu quản lý.
- Cột (5) Năm đưa vào sử dụng: Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi N/A.
- Cột (6) Diện tích đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Cột (7) Nguyên giá: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 72/2025/TT-BTC.
- Cột (8) Hao mòn (lũy kế): Theo quy định tại các khoản 3 Điều 11 Thông tư số 72/2025/TT-BTC.
- Cột (9) GTCL là giá trị còn lại: Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2025/TT-BTC.
- Cột (10) Chế độ hao mòn: Ghi thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn áp dụng đối với tài sản.
- Cột (11), Cột (12): Ghi 1 ở cột (11) nếu tài sản còn sử dụng được và ghi 0 vào cột (12); ghi 0 ở cột (11) nếu tài sản không còn sử dụng được và ghi 1 vào cột (12).

**BÁO CÁO**  
Kê khai bổ sung thông tin

**A. Thông tin về cơ quan quản lý tài sản**

Tên cơ quan: .....

Mã đơn vị:

Địa chỉ: Thôn/Xóm.....Xã/Phường.....Tỉnh/Thành phố.....

**B. Thông tin thay đổi**

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>I. Về cơ quan quản lý tài sản</b>						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
<b>II. Về tài sản</b>						
1	Tên tài sản (địa chỉ)					
2	Đơn vị tính					
3	Thông số cơ bản					
4	Năm đưa vào sử dụng					
5	Diện tích đất (m2)					
6	Nguyên giá (đồng)					
7	Giá trị còn lại (đồng)					
8	Tình trạng tài sản					
9	Thông tin khác					
<b>III Về việc khai thác tài sản</b>						
1	Phương thức khai thác					
2	Thông tin khác					
	...					

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01B:**

- Cột (3) Thông tin đã kê khai: Là thông tin tại Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này.
- Cột (4) Thông tin thay đổi: Là thông tin mới cần thay đổi so với thông tin cũ đã kê khai ở cột (3).

Lưu ý: Chi tiêu nào thay đổi thông tin ở cột (4) thì mới cần điền thông tin ở cột (3); Chi tiêu nào không thay đổi thông tin (cột (4) không nhập) thì không phải điền vào cột (3).

- Phương thức khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 65 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

**BÁO CÁO**  
**Kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**

**A. Thông tin về cơ quan quản lý tài sản**

Tên cơ quan: .....

Mã đơn vị:.....

**B. Thông tin về tài sản**

ĐVT: đồng

STT	Danh mục tài sản	Hình thức xử lý tài sản	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Đối tượng tiếp nhận tài sản (nếu có)	Tổng số tiền thu được	Chi phí xử lý	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8= (6-7)	9
	<b>Tổng cộng</b>							

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01C:**

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 72/2025/TT-BTC.
- Cột (3) Hình thức, phương thức xử lý: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
- Cột (4) Quyết định xử lý: Theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 74 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.
- Cột (6), (7), (8): Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 75 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

**BÁO CÁO**  
**Tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**  
**(Theo từng phương thức khai thác tài sản)**

**A. Thông tin về cơ quan quản lý tài sản**

Tên cơ quan: .....

Mã đơn vị:.....

**B. Thông tin về tình hình khai thác tài sản**

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý, sử dụng số tiền thu được (đồng)			Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức, doanh nghiệp nhận khai thác	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>											

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**  
**CẤP TRÊN (nếu có)**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01D:**

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 72/2025/TT-BTC.
- Cột (3) Phương thức khai thác: Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 65 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.
- Cột (4), (5), (6), (7) Hợp đồng khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 67, Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP của Chính phủ.
- Cột (8), (9) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt: Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 68 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.
- Cơ quan quản lý cấp trên: Là cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan quản lý tài sản.

**BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**  
**Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**  
 Kỳ báo cáo .....

STT	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Giá trị tài sản (đồng)		Hình thức xử lý tài sản						Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Ghi chú
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Thanh lý	Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Khác	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>Tổng cộng</b>															

....., ngày ... tháng ... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**  
**CẤP TRÊN (nếu có)**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**

Kỳ báo cáo .....

STT	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản	Diện tích đất (m2)	Giá trị tài sản (đồng)		Phương thức khai thác tài sản			Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản (đồng)			Ghi chú
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trực tiếp tổ chức khai thác	Cho thuê quyền khai thác tài sản	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>Tổng cộng</b>												

....., ngày ... tháng ... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ  
CẤP TRÊN (nếu có)**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục III**  
**CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**  
**ĐƯỜNG SẮT**

*(Kèm theo Thông tư số 71/2026/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin.
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.
Mẫu số 01D	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.
Mẫu số 02A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.
Mẫu số 02B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

**BÁO CÁO**  
**Kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**

**A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt: ..... Mã đơn vị:.....  
Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố .....

Loại hình: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

**B. Thông tin về người lập biểu:**

Họ và tên: ..... Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

**C. Thông tin về tài sản**

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Thôn g số cơ bản	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m2)	Giá trị (đồng)			Chế độ hao mòn	Tình trạng tài sản		Ghi chú
						Nguyên giá	Hao mòn (lũy kế)	GTCL		Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>											

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ  
TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01A:**

- Đối tượng báo cáo là doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 75/2025/TT-BTC ngày 09/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Cột (2) Danh mục tài sản: Ghi tên tài sản theo phân loại tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 75/2025/TT-BTC
- Cột (4) Thông số cơ bản: Ghi các thông số cơ bản của tài sản theo yêu cầu quản lý.
- Cột (5) Năm đưa vào sử dụng: Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi N/A.
- Cột (6) Diện tích đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất theo hồ sơ cắm mốc phạm vi bảo vệ công trình/hạng mục công trình hoặc hồ sơ hoàn thành công trình/hạng mục công trình hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Cột (7) Nguyên giá: Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Điều 7 Thông tư số 75/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20 Thông tư này.
- Cột (8) Hao mòn (lũy kế): Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 75/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 24 Thông tư này.
- Cột (9) GTCL là giá trị còn lại: Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 75/2025/TT-BTC
- Cột (10) Chế độ hao mòn: Ghi thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn áp dụng đối với tài sản.
- Cột (11), Cột (12):
  - Ghi 1 ở cột (11) nếu tài sản còn sử dụng được và ghi 0 vào cột (12)
  - Ghi 0 ở cột (11) nếu tài sản không còn sử dụng được và ghi 1 vào cột (12).

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...  
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN  
ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO**  
**Kê khai bổ sung thông tin**

**A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt: ..... Mã đơn vị:.....

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố .....

**B. Thông tin thay đổi**

STT	Chi tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>I. Về cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản</b>						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
<b>II. Về tài sản</b>						
1	Tên tài sản (địa chỉ)					
2	Đơn vị tính					
3	Thông số cơ bản					
4	Năm đưa vào sử dụng					
5	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )					
6	Nguyên giá (đồng)					
7	Giá trị còn lại (đồng)					
8	Tình trạng tài sản					
9	Thông tin khác					
<b>III. Về việc khai thác tài sản</b>						
1	Phương thức khai thác					
2	Thông tin khác					
	...					

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN  
LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01B:**

- Đối tượng báo cáo là doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 75/2025/TT-BTC ngày 09/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Cột (3) Thông tin đã kê khai: Là thông tin tại Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này.

- Cột (4) Thông tin thay đổi: Là thông tin mới cần thay đổi so với thông tin cũ đã kê khai ở cột (3).

Lưu ý: Chi tiêu nào thay đổi thông tin ở cột (4) thì mới cần điền thông tin ở cột (3); Chi tiêu nào không thay đổi thông tin (cột (4) không nhập) thì không phải điền vào cột (3).

- Phương thức khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 15, Điều 32 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

BỘ XÂY DỰNG /UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...  
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN  
ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO**  
**Kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**

**A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt: .....

Mã đơn vị:.....

**B. Thông tin về tài sản**

DVT: đồng

STT	Danh mục tài sản	Hình thức xử lý tài sản	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Đối tượng tiếp nhận tài sản (nếu có)	Tổng số tiền thu được	Chi phí xử lý	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8= (6-7)	9
	<b>Tổng cộng</b>							

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ  
TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01C:**

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này
- Cột (3) Hình thức, phương thức xử lý: Theo quy định tại Điều 21, Điều 37 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 64 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.
- Cột (4) Quyết định xử lý: Theo quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25 và 26 (đối với đường sắt quốc gia), tại các Điều 38, 39, 40, 41 và 42 (đối với đường sắt đô thị) Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.
- Cột (7), (8), (9): Theo quy định tại Điều 27, Điều 43 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

**BÁO CÁO**  
**Tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**  
**(Theo từng phương thức khai thác tài sản)**

**A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt: ..... Mã đơn vị:.....

**B. Thông tin về tình hình khai thác tài sản**

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý, sử dụng số tiền thu được (đồng)			Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức, doanh nghiệp nhận khai thác	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	Tổng số tiền đã thu	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>Tổng cộng</b>											

....., ngày ... tháng ... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn lập Mẫu số 01D:**

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 (09 loại tài sản KCHT đường sắt quốc gia), Điều 4 (07 loại tài sản KCHT đường sắt đô thị) Thông tư này
- Cột (3) Phương thức khai thác: Theo quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 32 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 64 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.
- Cột (4), (5), (6), (7) Hợp đồng khai thác tài sản: Theo quy định tại các Điều 16, 17 và 18 (đối với tài sản KCHT đường sắt quốc gia), Điều 33 và Điều 34 (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị) Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.
- Cột (8), (9) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): Là cơ quan cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...  
**DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN**  
**ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**  
**(Kỳ báo cáo .....)**

STT	DN quản lý tài sản đường sắt/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng)	Diện tích (m2)		Giá trị tài sản (đồng)		Hình thức xử lý tài sản						Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sân sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Thanh lý	Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Khác	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>Tổng cộng</b>																

....., ngày ... tháng ... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**  
**QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ**  
**TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...  
**DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN**  
**ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA/ĐÔ THỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO**  
**Tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**  
**(Kỳ báo cáo .....)**

STT	DN quản lý tài sản đường sắt/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Diện tích (m2)		Giá trị tài sản (đồng)		Phương thức khai thác tài sản			Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sản sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trực tiếp tổ chức khai thác đường sắt	Cho thuê quyền khai thác tài sản đường sắt	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản đường sắt quốc gia	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>Tổng cộng</b>													

....., ngày ... tháng ... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG SẮT**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)